

BÁO CÁO

sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 6 (khóa XIX) về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020

Trong 02 năm qua, các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ sáu (khóa XIX) về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020 (sau đây viết tắt là Nghị quyết 05) đạt được một số kết quả.

I. KẾT QUẢ TỔ CHỨC QUẢN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN VÀ CỤ THỂ HÓA, THỂ CHẾ HÓA THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 05

1. Về tổ chức quản triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết 05

Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan thông tin đại chúng các cấp đã nghiêm túc tổ chức quản triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết 05 bằng nhiều hình thức đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động về cải cách hành chính (CCHC), nhất là cải cách thủ tục hành chính (TTHC) trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

2. Về cụ thể hóa, thể chế hóa triển khai thực hiện Nghị quyết 05

Cấp ủy, chính quyền các cấp đã ban hành nhiều văn bản cụ thể hóa, thể chế hóa thực hiện Nghị quyết 05¹; các sở, ban, ngành của tỉnh và các huyện, thành phố đã ban hành kế hoạch, chương trình thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị.

¹ - Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành: Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 về Đề án cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh giai đoạn 2016 – 2020.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: Đề án CCHC, nhất là cải cách TTHC tỉnh giai đoạn 2016 – 2020 (Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 24/02/2017); Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 05 (Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 13/3/2017); Kế hoạch CCHC năm 2017, 2018 (Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 và số 2548/QĐ-UBND ngày 29/12/2017); Kế hoạch nâng cao chỉ số CCHC (PAR INDEX), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) của tỉnh năm 2017 và những năm tiếp theo (Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 12/5/2017); Kế hoạch phát động phong trào thi đua đẩy mạnh CCHC, nhất là cải cách TTHC năm 2017 và giai đoạn 2018 - 2020 (Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 và Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 04/4/2018); Chỉ thị về tiếp tục đẩy mạnh công tác CCHC; nâng cao chỉ số CCHC (PAR INDEX), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh giai đoạn 2017 - 2020 (số 12/CT-UBND ngày 11/10/2017); về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong cải cách TTHC (số 02/CT-UBND ngày 24/02/2017).

- Và nhiều văn bản khác: Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp (số 4074/KH-UBND ngày 06/7/2017); Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm cải thiện Chỉ số CCHC (PAR INDEX) năm 2018 trên địa bàn tỉnh (số 93/KH-UBND ngày 21/6/2018); Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 28/02/2017); Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh (Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018); Đề án xác định chỉ số CCHC các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn; duyệt phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo định kỳ thuộc thẩm quyền ban hành, thực hiện trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 31/07/2018); Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 06/9/2018)...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU TRONG NGHỊ QUYẾT 05

1. Đầu năm 2017, đã hoàn thành việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Năm 2017, chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) của tỉnh xếp thứ hạng 63/63 (*giảm 4 bậc so với năm 2016*), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) xếp thứ hạng 35/63 (*giảm 14 bậc so với năm 2016*), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) xếp thứ hạng 25/63 (*tăng 01 bậc so với năm 2016*).

3. Hầu hết văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của HĐND tỉnh, UBND tỉnh và của HĐND, UBND cấp huyện ban hành đúng quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư đang xây dựng bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết liên thông trực tuyến từ cấp độ 2, 3 lên cấp độ 4, nhất là các thủ tục liên quan đến đầu tư, kinh doanh.

5. Về cơ bản 100% thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến tổ chức, công dân khi được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại một đầu mối của tỉnh, cấp huyện và cấp xã thì đều bảo đảm nguyên tắc “công khai – minh bạch – chất lượng – đúng hẹn”.

6. Cuối năm 2017, mức độ hài lòng của tổ chức, công dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh đạt 74,84% (*do Bộ Nội vụ tổ chức điều tra*); mức độ hài lòng của tổ chức, công dân về giải quyết thủ tục hành chính của ngành Công an đạt trên 90%.

7. 09/14 huyện triển khai áp dụng Bộ phận một cửa hiện đại, đạt 64,29%; ở cấp xã chưa triển khai áp dụng Bộ phận một cửa hiện đại.

8. 10 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4².

9. Thực hiện thí điểm đấu thầu qua mạng một số gói thầu; rút ngắn thời gian cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh từ 03 ngày xuống còn 1,5 ngày làm việc (*trừ những dự án phức tạp có yếu tố nước ngoài*).

10. Tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký nộp thuế điện tử qua ngân hàng thương mại đạt 95,8%; tỷ lệ chứng từ nộp thuế điện tử đạt 78,93%; tỷ lệ số tiền nộp thuế điện tử đạt 88,57%.

11. 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện và 93,26% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ (*cán bộ đạt chuẩn 88,21%; công chức đạt chuẩn 98,09%*).

12. Toàn tỉnh tinh giản 1.508 biên chế.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ, giải pháp về cải cách thể chế

² Các số: Giao thông vận tải; Công thương; Tư pháp; KH và ĐT; Xây dựng; Y tế; NN và PTNT; TN và MT; TT và TT; VH, TT và DL.

Thế chế của nền hành chính tiếp tục được cải cách, đổi mới, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; công tác xây dựng, thẩm định, ban hành văn bản QPPL được thực hiện đúng trình tự, cơ bản bảo đảm tính khả thi, kịp thời, thống nhất; việc kiểm tra, rà soát, xử lý, điều chỉnh hệ thống văn bản QPPL không còn phù hợp được chú trọng thực hiện; công tác theo dõi thi hành pháp luật được tiến hành thường xuyên, kịp thời phát hiện và giải quyết vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật vào thực tiễn, bảo đảm các quy định của pháp luật được thi hành một cách nghiêm minh và hiệu quả. Đã thực hiện cập nhật văn bản QPPL vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận, sử dụng.

* *Tuy nhiên*, chất lượng, tính khả thi của hệ thống văn bản QPPL chưa cao, còn tình trạng văn bản QPPL đã ban hành nhưng chỉ thực hiện thời gian ngắn đã phải sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ; chưa thường xuyên hệ thống hóa văn bản QPPL nên khó tiếp cận, gây khó khăn cho việc tuân thủ và thi hành, chưa phát huy đầy đủ hiệu lực trong thực tiễn. Nhiều cơ chế, chính sách tính ổn định không cao, thường xuyên sửa đổi, bổ sung ảnh hưởng nhất định đến sự quản lý, điều hành của cơ quan chức năng.

2. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ, giải pháp về cải cách thủ tục

Việc rà soát, đơn giản hóa TTHC được quan tâm chỉ đạo. Theo đó, đã hoàn thành việc chuẩn hóa lại TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã³. Các cơ quan chức năng thường xuyên, liên tục cập nhật sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ những thủ tục, quy định không còn phù hợp, cản trở sự phát triển và bổ sung những thủ tục mới phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Đã xác định 10 nhóm TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền và giao trách nhiệm cho các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã tổ chức triển khai thực hiện⁴ với mục tiêu cắt giảm tối thiểu 10% chi phí tuân thủ TTHC mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi thực hiện TTHC, rút ngắn 30% thời gian giải quyết TTHC so với khung thời gian quy định chung của Trung ương; phê duyệt Danh mục TTHC rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 – 60% so với quy định pháp luật đối với 195 TTHC thuộc 16 lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của 06 cơ quan, đơn vị⁵; thống nhất việc thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết đối với một số thủ tục thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Công an tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh. Trong 02 năm qua, có 2.050 TTHC mới ban hành; 348 TTHC được rà soát, đơn giản hóa⁶. Nhìn chung, các TTHC ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung cơ bản đáp ứng tiêu chí về sự cần thiết, hợp lý, đúng quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn tình hình.

Công tác kiểm tra hoạt động kiểm soát, tiếp nhận, giải quyết TTHC được thực hiện thường xuyên, liên tục, đã tiến hành kiểm tra đột xuất, định kỳ một số cơ

³ Công bố 1.867 TTHC.

⁴ Kế hoạch số 1287/KH-UBND ngày 13/3/2017; Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 30/01/2018.

⁵ Báo chí và truyền hình, xuất bản và hoạt động in, thông tin điện tử, bưu chính, chuyển phát, điện, xúc tiến thương mại, xây dựng, dược phẩm, nông nghiệp và nông thôn, đường bộ, đường thủy nội địa, thẩm định dự án, thiết kế dự toán liên quan đến giao thông, an toàn thực phẩm, vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ, kinh doanh khí.

Các sở: TT và TT, Công thương, Xây dựng, Y tế, NN và PTNT, GTVT (*Quyết định 2531/QĐ-UBND ngày 28/12/2017, Quyết định số 771/QĐ-UBND ngày 17/5/2018, Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 31/8/2018, Quyết định số 1461/QĐ-UBND ngày 23/8/2018*).

⁶ 145 TTHC sửa đổi, bổ sung, 20 TTHC thay thế và 183 TTHC bị bãi bỏ.

quan, đơn vị, địa phương⁷; đồng thời, kiểm tra, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ. Qua đó, kịp thời phát hiện, kiến nghị khắc phục, xử lý những sai sót, những TTHC trái quy định.

Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC được triển khai thực hiện kịp thời⁸, thời gian giải quyết phản ánh cho người dân, tổ chức được rút ngắn đã góp phần hạn chế phát sinh đơn, thư phản ánh.

Cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa theo hướng hiện đại theo hướng công khai, minh bạch, thuận tiện tiếp tục đẩy mạnh thực hiện, tạo chuyển biến tích cực trong giải quyết TTHC cho công dân, tổ chức. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đi vào hoạt động và tiếp nhận 9.789 hồ sơ, giải quyết 8.868 hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ trả kết quả giải quyết đúng hạn trung bình đạt 95,5%; tiếp nhận 300 hồ sơ, giải quyết và trả kết quả 272 hồ sơ TTHC liên thông thuộc thẩm quyền quyết định UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết gần 840 TTHC của 08 sở⁹. Tất cả hồ sơ, quy trình giải quyết TTHC đều được công khai tại Trung tâm và trên Hệ thống một cửa điện tử tỉnh (<https://motcua.quangngai.gov.vn>); xây dựng phần mềm quản lý hiện đại, đa năng để kiểm soát việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả; đưa vào ứng dụng các tiện ích để nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức.

Đến nay, có 13/14 huyện, thành phố và 182/184 xã, phường, thị trấn thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa theo hướng hiện đại¹⁰; đã phê duyệt danh mục TTHC tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết của 03 Trung tâm hành chính công cấp huyện (Sơn Hà, Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi). Nền tình trạng chậm trễ, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm của cán bộ, công chức trong giải quyết công việc được khắc phục một bước; giảm bớt phiền hà, tiêu cực, những nhiễu trong quá trình giải quyết hồ sơ TTHC cho tổ chức, cá nhân.

* *Tuy nhiên*, giải quyết TTHC trên một số lĩnh vực còn để xảy ra tình trạng quá hạn với tỷ lệ cao, nhất là lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (khoảng 50% hồ sơ quá hạn - mục tiêu đến năm 2020 là 100% TTHC được giải quyết đúng thời gian quy định). TTHC trên một số lĩnh vực còn

⁷ Kiểm tra định kỳ hoạt động kiểm soát TTHC 09 cơ quan, đơn vị (Năm 2017: Sở Xây dựng; UBND huyện Sơn Tây và UBND xã Sơn Dung; UBND huyện Nghĩa Hành và UBND thị trấn Chợ Chùa. Năm 2018: 02 Chi nhánh trực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thuộc Sở TN và MT; Chi nhánh TP. Quảng Ngãi, Chi nhánh huyện Tư Nghĩa, UBND huyện Bình Sơn và UBND thị trấn Châu Ổ).

- Về kiểm tra đột xuất: Năm 2017, Sở Tư pháp đã kiểm tra đột xuất hoạt động tiếp nhận, giải quyết TTHC tại 04 đơn vị cấp xã (UBND xã Bình An, Bình Châu thuộc huyện Bình Sơn; xã Tịnh Kỳ và xã Tịnh Khê thuộc TP. Quảng Ngãi). Năm 2018, Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra một số cơ quan, đơn vị, địa phương khi có phản ánh, kiến nghị trong việc tiếp nhận và giải quyết TTHC hoặc qua phản ánh của các cơ quan thông tin báo chí, trong đó tập trung vào kiểm tra lĩnh vực đất đai.

⁸ - Năm 2017, tiếp nhận 53 phản ánh của công dân, trong đó: 50 phản ánh liên quan đến việc giải quyết TTHC (25 phản ánh liên quan đến giải quyết thủ tục về đất đai, 05 phản ánh liên quan đến thủ tục giải quyết khiếu nại về đất đai, 08 phản ánh liên quan đến thủ tục hộ tịch, 06 phản ánh liên quan đến thủ tục chứng thực chữ ký, sơ yếu lý lịch và 04 phản ánh về thủ tục hộ khẩu), 05 phản ánh không liên quan đến giải quyết TTHC. Đối với các trường hợp phản ánh thuộc thẩm quyền tiếp nhận giải quyết, Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh đề nghị các sở, ban ngành và địa phương liên quan xử lý, giải quyết xong.

- Trong 9 tháng năm 2018, tiếp nhận và chuyển xử lý 60 phản ánh về hành vi hành chính liên quan đến các lĩnh vực: 04 phản ánh về chứng thực, 08 phản ánh về hộ tịch, 40 phản ánh về đất đai, 01 phản ánh về thi đua, khen thưởng, 07 phản ánh về tranh chấp đất đai. Văn phòng UBND tỉnh đề nghị các sở, ban ngành và địa phương liên quan xử lý 60 trường hợp. Thực hiện xử lý xong, đúng thời gian đối với 03 trường hợp doanh nghiệp phản ánh qua Hệ thống tiếp nhận, trả lời kiến nghị của doanh nghiệp; 01 trường hợp người dân phản ánh qua Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân trên Công thông tin điện tử Chính phủ theo đề nghị của Văn phòng Chính phủ.

⁹ KH và ĐT; Xây dựng; Y tế; Tư pháp; TN và MT; NN và PTNT; VH, TT và DL; TT và TT.

¹⁰ Hiện đã có 09/14 địa phương được UBND tỉnh phê duyệt Đề án thực hiện cơ chế một cửa theo hướng hiện đại, trong đó, có 08 địa phương đã chính thức đi vào hoạt động (*UBND thành phố, UBND các huyện: Sơn Hà, Đức Phổ, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Trà Bồng, Bình Sơn, Ba Tơ; Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương*); UBND huyện Nghĩa Hành đang trong giai đoạn đầu tư, hoàn thiện. Xã Trà Quán, Trà Lãnh huyện Tây Trà chưa thực hiện cơ chế một cửa.

rườm rà, phức tạp; số lượng TTHC đưa vào thực hiện tại một cửa liên thông theo quy định còn ít; việc rà soát, đánh giá TTHC với mục tiêu bãi bỏ những TTHC không còn phù hợp, cắt giảm chi phí mà tổ chức, cá nhân phải bỏ ra khi thực hiện TTHC hiệu quả chưa cao, chỉ mới dừng lại ở việc rà soát rút ngắn thời gian giải quyết, chưa rà soát để đơn giản hóa quy định hoặc thành phần hồ sơ TTHC. Số lượng dịch vụ công cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 còn hạn chế, chưa hiệu quả, chưa thực chất. Trong phối hợp giải quyết hồ sơ có TTHC liên thông về lĩnh vực đầu tư, tài nguyên môi trường, xây dựng có một số trường hợp thực hiện chưa đúng quy định, quy trình, trễ quá thời hạn, ảnh hưởng đến tiến độ trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân.

3. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Trong 2 năm qua, tổ chức máy của các cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở thường xuyên được rà soát, củng cố, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong gắn với thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Các cấp, các ngành đã ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW, Nghị quyết 19-NQ/TW, Nghị quyết 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, về quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Đã chỉ đạo thực hiện Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đạt một số kết quả, giảm được 70 đơn vị¹¹; đã thực hiện chức danh Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy đồng thời Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; trưởng ban dân vận đồng thời chủ tịch ủy ban mặt trận tổ quốc cấp huyện ở 12/14 đơn vị¹²; trưởng ban tuyên giáo đồng thời giám đốc trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện ở 12/14 đơn vị¹³; trưởng ban tổ chức đồng thời trưởng phòng nội vụ cấp huyện ở 06/14¹⁴; chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đồng thời chánh thanh tra cấp huyện ở 03/14 đơn vị¹⁵. Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị huyện Lý Sơn.

Đã rà soát, bổ sung, ban hành lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 19/19 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND các huyện, thành phố; qua đó, đã phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, khắc phục tình trạng chồng chéo, không rõ chức năng, nhiệm vụ hoặc bỏ trống phạm vi, đối tượng quản lý. Tập trung chỉ đạo các cơ quan hành chính các cấp ban hành mới quy chế làm việc, quy chế phối hợp, mối quan hệ công tác giữa các cơ quan hành chính; phân cấp quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực, nhất là về đất đai, đầu tư và xây dựng, thành lập doanh nghiệp..., tạo sự chủ động và nâng cao năng lực quản lý, giải quyết nhanh gọn TTHC cho

¹¹ Lĩnh vực y tế giảm 20 đơn vị, lĩnh vực giáo dục giảm 16 đơn vị, lĩnh vực văn hóa giảm 03 đơn vị, sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn giảm 28 đơn vị và sự nghiệp khác giảm 03 đơn vị; trong đó, sự nghiệp thuộc các sở, ngành cấp tỉnh là 50 đơn vị, sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện là 20.

¹² Lý Sơn, Minh Long, Nghĩa Hành, Sơn Hà, Đức Phổ, Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, Trà Bồng, Sơn Tây, Bình Sơn, Ba Tơ và TP. Quảng Ngãi.

¹³ Thành phố Quảng Ngãi, Sơn Tịnh, Minh Long, Sơn Hà, Tây Trà, Lý Sơn, Bình Sơn, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Đức Phổ, Trà Bồng, Sơn Tây.

¹⁴ Trà Bồng, Sơn Tịnh, Đức Phổ, Tư Nghĩa, Sơn Tây và TP. Quảng Ngãi.

¹⁵ Đức Phổ, Trà Bồng, Sơn Tịnh.

công dân và tổ chức; tăng cường kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị trong thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp quản lý.

Hoàn thành việc xây dựng Đề án vị trí việc làm ở từng cơ quan, đơn vị gắn với thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Việc tinh giản biên chế, cắt giảm biên chế trong các cơ quan, đơn vị, địa phương bảo đảm lộ trình theo quy định¹⁶, đã tạo được nhiều vị trí trống để thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức có chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm; việc cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo ngạch, chức danh, nghề nghiệp, vị trí việc làm, trình độ đào tạo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được quan tâm chỉ đạo sâu sát góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức.

Thực hiện quy định và quản lý chặt chẽ biên chế đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị của tỉnh trên cơ sở phân loại tổ chức, tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt¹⁷.

* *Tuy nhiên*, tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện chậm được sắp xếp theo hướng tinh gọn; tổ chức bộ máy của các đơn vị sự nghiệp vẫn còn cồng kềnh, nhiều đầu mối. Việc xây dựng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm còn chậm, thiếu cơ sở, căn cứ khoa học, nhất là trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Một số cấp ủy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương nhận thức chưa toàn diện về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết 18, 19, 26 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; quyết tâm đổi mới chưa cao, còn ngại khó, ngại va chạm, thiếu chủ động, chưa mạnh dạn và quyết liệt.

4. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách chế độ công vụ, công chức

Việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức luôn được quan tâm thực hiện. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước được cơ cấu, chuẩn hóa theo ngạch, chức danh, nghề nghiệp, vị trí việc làm và trình độ đào tạo, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã được nâng lên một bước cả về phẩm chất, trình độ, năng lực, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ. Việc tuyển dụng công chức, viên chức được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh, bám sát yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm của từng đơn vị, góp phần lựa chọn đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, đáp ứng yêu cầu công việc; gắn với lộ trình tinh giản 10% trong tổng số biên chế được giao và bảo đảm 50% số biên chế cán bộ, công chức, viên chức đã giải quyết chế độ nghỉ hưu hoặc thôi việc¹⁸. Cải cách chế độ công vụ, công chức được đẩy mạnh thực hiện nhằm xây dựng một nền công vụ theo hướng chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả.

¹⁶ Từ năm 2015 đến nay, toàn tỉnh đã tinh giản biên chế 1.508 người. Trong đó, Khối Đảng: 40 người, khối hành chính Nhà nước 116 người; khối sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước 1.213 người; khối sự nghiệp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước 21 người; cán bộ công chức cấp xã 110 người và hợp đồng lao động theo Nghị định 68 là 08 người.

¹⁷ BTVTU thống nhất quản lý biên chế, tinh giản biên chế hệ thống chính trị tỉnh (Quyết định 600-QĐ/TU ngày 24/3/2017 của BTVTU).

¹⁸ Từ năm 2015 đến nay, tuyển dụng được 122 công chức (khối Đảng: 52 người; khối Nhà nước: 70 người). Tạm dừng tuyển dụng viên chức để thực hiện việc sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, chỉ tuyển dụng 28 bác sĩ tốt nghiệp hệ chính quy cho các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Y tế.

Đã chỉ đạo rà soát, sắp xếp, kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển chung của tỉnh. Rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị theo hướng hợp lý hơn. Từng bước hoàn thiện hệ thống các văn bản quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; triển khai xây dựng cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chức danh, công chức, viên chức; nghiên cứu đổi mới phương thức đánh giá công chức, viên chức. Công tác quản lý biên chế được thực hiện nghiêm túc và chặt chẽ hơn. Bước đầu thực hiện thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị¹⁹. Công tác thanh tra, kiểm tra công vụ được thực hiện thường xuyên.

Công tác nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm đúng nguyên tắc, công khai, phát huy trách nhiệm của tập thể, người đứng đầu, dần đi vào thực chất, là cơ sở thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với khả năng của từng cá nhân ở mỗi vị trí, chức danh công tác.

Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và giới thiệu, bầu cử các chức danh lãnh đạo, quản lý; công tác quy hoạch, luân chuyển cán bộ được thực hiện dân chủ, công khai, cơ bản đúng nguyên tắc, quy định, quy trình, bảo đảm các điều kiện về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tiêu chuẩn và xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; bảo đảm sự ổn định, kế thừa và phát triển đội ngũ cán bộ; bảo đảm phương châm “mở”, “động”, liên thông, gắn kết giữa quy hoạch hoạch và bổ nhiệm. Đã ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương thuộc sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân huyện, thành phố; cấp trưởng, cấp phó các đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân huyện, thành phố²⁰; Quy định luân chuyển, điều động cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ trẻ²¹. Từ năm 2016 đến nay, đã bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và giới thiệu cán bộ ứng cử 1.225 trường hợp²²; hoàn thành việc rà soát, bổ sung quy hoạch cấp ủy, cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong tỉnh. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức luôn được quan tâm thực hiện cả về chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước và các nội dung bồi dưỡng chuyên ngành theo tiêu chuẩn chức danh, nhờ vậy chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nâng lên rõ nét. Hàng năm, đều xây kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gắn với chức danh (từ 2017 đến nay, đã cử đào tạo 1.673 lượt cán bộ, công chức, viên chức (kể cả cán bộ, công chức cấp xã), trong đó: đào tạo tiến sĩ 14 người; thạc sĩ 181 người (đào tạo ở nước ngoài 05 người), bác sĩ chuyên khoa II 28 người, bác sĩ chuyên khoa I 71 người, bác sĩ nội trú 01 người, bác sĩ định hướng chuyên khoa 02 người, đại học 687 người, cao cấp lý luận chính trị 689 người; cử đi bồi dưỡng trong và ngoài nước 12.747 lượt cán bộ, công chức, viên chức (bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài 32 lượt người)).

¹⁹ Quy chế thi tuyển để bổ nhiệm chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

²⁰ Quyết định số 61/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh.

²¹ Quy định số 01-QĐi/TU ngày 15/5/2018 của BTVTU.

²² Trong đó, có 185 trường hợp thuộc thẩm quyền của BTVTU; 1.040 trường hợp thuộc thẩm quyền của BTV cấp ủy huyện và tương đương.

Tiếp tục đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác thanh tra, kiểm tra công vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, thường xuyên kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị, nhờ đó tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức từng bước chuyển biến tích cực, qua đó đã kịp thời chấn chỉnh, xử lý các hành vi những nhiều, gây phiền hà cho công dân, tổ chức.

* *Tuy nhiên*, kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số cơ quan, đơn vị thực hiện chưa nghiêm; công tác kiểm tra, giám sát thực thi công vụ đối với cán bộ, công chức chưa thường xuyên, liên tục; một bộ phận cán bộ, công chức thiếu tinh thần trách nhiệm nhưng chậm được xử lý, thay thế; chưa có cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút nhân tài, những người có trình độ cao về công tác tại tỉnh. Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chậm xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác; việc chuyển đổi vị trí công tác chỉ dừng lại ở việc sắp xếp, điều động theo nhu cầu nhiệm vụ, chưa phân biệt rõ giữa chuyển đổi vị trí công tác với luân chuyển, điều động, sắp xếp, bố trí cán bộ theo quy hoạch. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức có lúc, có nơi thực hiện chưa theo quy hoạch, chưa gắn với yêu cầu nhiệm vụ và năng lực, trình độ chuyên môn thực sự của cán bộ. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu công việc và thực tiễn. Việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức ở một số nơi còn hình thức, cảm tính; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu chưa được phát huy đúng mức; chưa lấy hiệu quả công việc làm thước đo chủ yếu trong đánh giá cán bộ, công chức, viên chức.

5. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ, giải pháp về đổi mới cơ chế quản lý tài chính công

Trong 2 năm qua, các cấp, các ngành thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quy định của Luật Ngân sách, phục vụ các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc phân bổ, giao dự toán từ đơn vị dự toán đến các đơn vị sử dụng ngân sách có nhiều đổi mới; công tác quyết toán ngân sách, thanh tra được chú trọng.

100% cơ quan hành chính đã thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, quản lý kinh phí hành chính tại cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ đã mang lại một số kết quả tích cực; trước hết là thúc đẩy các cơ quan tự rà soát lại chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp lại tổ chức bộ máy; sử dụng, bố trí cán bộ, công chức phù hợp, giảm chi phí và từng bước tăng thu nhập cho cán bộ, công chức. Đối với cơ chế giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, đã thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch của UBND tỉnh²³; đồng thời, thực hiện bảo đảm đúng lộ trình Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2025²⁴. Hầu hết các cơ quan, đơn vị đã chủ động xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ; quản lý tài sản công của cơ quan, đơn vị phù hợp và đúng quy định; thực hiện công khai, minh bạch về tài chính; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; qua đó tạo điều kiện đề quản lý, sử dụng kinh phí thiết thực,

²³ Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 04/6/2018.

²⁴ Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 28/6/2018.

hiệu quả, tiết kiệm và cho phép được sử dụng kinh phí tiết kiệm để chi tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức.

Đang thực hiện thí điểm giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với UBND các xã, phường thuộc thành phố Quảng Ngãi²⁵.

* *Tuy nhiên*, mức độ tự chủ về tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập chưa cao, chất lượng dịch vụ còn hạn chế. Chưa xây dựng được cơ chế lập, phân bổ ngân sách nhà nước cho các cơ quan hành chính nhà nước trên cơ sở kết quả công việc đầu ra và chất lượng hoạt động của từng cơ quan hành chính nhà nước nhằm tăng cường quyền tự chủ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, quản lý kinh phí hành chính và tiền lương, tiền thưởng để nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, khuyến khích, động viên cán bộ, công chức, viên chức làm việc tích cực.

6. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ, giải pháp về hiện đại hóa nền hành chính

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, quản lý, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước được chú trọng thực hiện. Hạ tầng công nghệ thông tin được quan tâm đầu tư và trang bị, cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động của các cơ quan nhà nước, hầu hết cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước được trang bị máy vi tính để phục vụ công việc. Hệ thống mạng nội bộ được triển khai thực hiện ở hầu hết các cơ quan, đơn vị, địa phương, 100% cơ quan nhà nước trực thuộc UBND tỉnh đã có mạng nội bộ (LAN) và kết nối sử dụng Internet; trên 90% đơn vị cấp xã có mạng LAN và sử dụng Internet ở phạm vi nhỏ; khoảng 60% hệ thống mạng LAN được trang bị hệ thống bảo mật, an ninh mạng (Firewall) phục vụ công việc ngày càng tốt hơn. UBND tỉnh, 100% các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh và 14 UBND huyện, thành phố có Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi (www.quangngai.gov.vn), Cổng thông tin thành phần và trang tin điện tử hoạt động có hiệu quả, hỗ trợ đắc lực cho công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành của lãnh đạo các cấp, cung cấp kịp thời thông tin, đáp ứng yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (eOffice) liên thông đến 4 cấp được các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai mạnh mẽ, đến nay 100% cơ quan cấp tỉnh và cấp huyện, 80% cấp xã đã hoàn thành việc triển khai và ứng dụng phần mềm, dự kiến đến cuối năm 2018 hoàn thành 100% ở cấp xã. Các cơ quan, đơn vị đã triển khai hệ thống thư điện tử phục vụ công việc; hầu hết cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước các cấp được cấp địa chỉ thư điện tử (với hơn 7.000 địa chỉ thư điện tử đã được cấp phát); trên 70% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng thư điện tử trong trao đổi công tác.

Việc triển khai chữ ký số được các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm thực hiện, đã chủ động phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ đăng ký, cấp phát 1.183 chứng thư số (*896 chứng thư số cá nhân; 287 chứng thư số đơn vị*); ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chữ ký số trong cơ quan nhà nước trên địa bàn

²⁵ Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 12/3/2018.

tỉnh²⁶. Trung tâm dữ liệu tỉnh đã đi vào vận hành góp phần theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, nâng cao tính chính xác, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, chủ tịch UBND tỉnh và công tác cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị.

44/46²⁷ cơ quan hành chính nhà nước hoàn thành việc xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008, đạt 99,7%; đang chuyển đổi sang phiên bản ISO 9001:2015; ban hành Kế hoạch áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 – 2021.

* *Tuy vậy*, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan hành chính có nơi thực hiện chưa tốt; áp dụng CNTT để công khai và giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp của một số sở, ngành, địa phương chậm, hiệu quả chưa cao; dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 còn hạn chế. Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong ứng dụng CNTT chưa toàn diện. Một số cơ quan hành chính chưa áp dụng tốt Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 trong hoạt động của cơ quan, ảnh hưởng đến kế hoạch chung của tỉnh.

IV. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

Qua 02 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 05 của Tỉnh ủy, thể chế của nền hành chính tiếp tục được cải cách, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; công tác kiểm soát, ban hành mới, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên, đã mở rộng hình thức, phạm vi công khai, minh bạch hóa thủ tục hành chính và các thông tin quản lý nhà nước, nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh. Chất lượng, tính khả thi của các văn bản QPPL từng bước được nâng lên. Tổ chức, bộ máy từng bước được sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nhiều cơ quan, đơn vị đã rõ về chức năng, nhiệm vụ, cơ bản khắc phục tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước được cơ cấu, chuẩn hóa theo ngạch, chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm; kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường; ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành công vụ phục vụ tổ chức, cá nhân ngày càng được nâng cao. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông đã tạo nhiều thuận lợi cho tổ chức, công dân trong giao dịch, nhất là giải quyết thủ tục đầu tư, kinh doanh, đất đai, giao thông vận tải, xây dựng... Thực hiện nghiêm túc việc phân công, phân cấp về quản lý tài chính, ngân sách, làm tăng tính hiệu quả của chi tiêu công, hạn chế sự lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước, từng bước tăng tính minh bạch trong thực hiện ngân sách.

2. Hạn chế, yếu kém, nguyên nhân

Hệ thống văn bản QPPL tuy được cải cách đáng kể nhưng vẫn thiếu tính đồng bộ; chất lượng, tính khả thi một số văn bản còn thấp. Một số thủ tục hành

²⁶ Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 của UBND tỉnh.

²⁷ Các sở: Lao động, Thương binh - Xã hội; Công thương và Chi cục Quản lý thị trường đang thực hiện.

chính còn rườm rà, phức tạp; việc giải quyết thủ tục hành chính của một số cơ quan, địa phương chưa đúng thời gian quy định. Cơ chế một cửa ở một số cơ quan, đơn vị còn mang tính hình thức, thực hiện chưa đúng quy trình, thủ tục hồ sơ, phí, lệ phí niêm yết chưa đầy đủ, kịp thời.

Tổ chức bộ máy của một số cơ quan, đơn vị còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, mối quan hệ của một số cơ quan, tổ chức chưa thật rõ, còn chồng chéo, trùng lặp...

Kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chưa nghiêm; một bộ phận công chức, viên chức thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao, hạn chế về năng lực chuyên môn.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành của các cơ quan hành chính chưa triệt để; việc công khai giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp của một số sở, ngành, địa phương còn chậm, hiệu quả chưa cao.

Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 còn ít; tổ chức và công dân tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến chưa nhiều; tỷ lệ đăng ký doanh nghiệp qua mạng còn thấp, triển khai cấp giấy chứng nhận đầu tư qua mạng còn hạn chế.

Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI); chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) có thứ hạng thấp so với các tỉnh, thành phố trong cả nước. Năm 2017, PAR INDEX xếp thứ hạng 63/63 (*giảm 4 bậc so với năm 2016*; PAPI xếp thứ hạng 35/63 (*giảm 14 bậc so với năm 2016*); PCI xếp thứ hạng 25/63 (*tăng 01 bậc so với năm 2016*).

Nguyên nhân

Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị hành chính nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng, vai trò, nhiệm vụ cải cách hành chính; chưa thật sự quyết tâm trong công tác lãnh đạo, điều hành.

Trình độ, năng lực của một số công chức tham mưu, phụ trách công tác cải cách hành chính ở các cấp, các ngành còn hạn chế; đội ngũ công chức ở Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC chủ yếu thực hiện kiêm nhiệm và thay đổi thường xuyên nên hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Việc quản lý, phân công, phân nhiệm cho cán bộ, công chức, viên chức thiếu chặt chẽ, chưa rõ ràng; đánh giá cán bộ, công chức, viên chức còn theo ý chí chủ quan chưa dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính chưa thường xuyên; kết quả thực hiện cải cách hành chính có lúc chậm, không theo chương trình, kế hoạch song chưa có biện pháp xử lý kịp thời.

Nguồn lực (tài chính và nhân lực) bố trí cho công tác cải cách hành chính hạn chế; điều kiện, cơ sở vật chất ở hầu hết các sở, ngành, địa phương vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác cải cách hành chính.

Hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn của Trung ương về tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị chưa sửa đổi kịp thời và đồng bộ nên khó khăn trong việc thực hiện.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG THỜI GIAN ĐẾN

1. Tập trung khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được chỉ ra sau 02 năm thực hiện Nghị quyết 05. Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện tốt quan điểm, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính được xác định trong Nghị quyết 05 của Tỉnh ủy khóa XIX.

2. Đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng và ban hành văn bản QPPL ở các ngành, các cấp nhằm bảo đảm hiệu lực, chất lượng, tính khả thi cao; đẩy mạnh thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính, lấy công tác này làm trọng tâm để thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thủ tục hành chính trong giai đoạn hiện nay; đưa các thủ tục hành chính ở các cơ quan, đơn vị vào Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ, nhất là các thủ tục hành chính mà người dân đang bức xúc (đất đai, xây dựng...); đơn giản hóa quy trình thực hiện thủ tục hành chính; thường xuyên rà soát, loại bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp, không cần thiết để giảm thời gian giải quyết, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức, cá nhân trong giao dịch hành chính. Thường xuyên tổ chức kiểm tra đột xuất, chuyên đề về công tác cải cách hành chính tại một số sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm hành chính công thành phố Quảng Ngãi, huyện Đức Phổ, huyện Sơn Hà, bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, tiết kiệm thời gian trong giải quyết thủ tục hành chính cho nhà đầu tư, các tổ chức, cá nhân góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh, nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân.

4. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra định kỳ và đột xuất việc giải quyết thủ tục hành chính, nhất là tại cấp huyện, cấp xã và kiên quyết xử lý những hành vi vi phạm, những nhiễu, tiêu cực trong giải quyết thủ tục hành chính.

5. Khẩn trương thực hiện các giải pháp cải thiện các chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI); chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

6. Thực hiện tốt việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế theo Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 05/4/2018, Kế hoạch số 126-KH/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản quy định, hướng dẫn của Trung ương.

7. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác lãnh đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức. Có kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức, viên chức về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý để đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức theo yêu cầu vị trí việc làm của từng cơ quan, đơn vị, bảo đảm các tiêu chuẩn, điều kiện về ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; bảo đảm nguyên tắc công khai, khách quan, minh bạch, công bằng, cạnh tranh và đúng quy định của pháp luật. Đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, theo tiêu chí cụ thể, bằng sản phẩm, thông qua khảo sát, công khai kết quả và so sánh với chức danh tương đương; gắn đánh giá cá nhân với tập thể và kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

8. Kiểm soát chặt chẽ cơ chế lập, phân bổ ngân sách nhà nước cho các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; chi thường xuyên và đầu tư công; đẩy mạnh xã hội hóa những lĩnh vực tư nhân có thể đầu tư.

9. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng chính quyền điện tử, công dân điện tử. Tiếp tục quy trình hóa việc giải quyết công việc của cơ quan hành chính theo tiêu chuẩn ISO.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (b/c),
- Các ban đảng Trung ương (b/c),
- Các vụ địa phương tại Đà Nẵng (b/c),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh; UBND tỉnh,
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh,
- Ủy ban MTTQVN tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc TU,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc TU,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- C, PVPTU; P. Tổng hợp, Kinh tế,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**

Lê Viết Chữ